TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 4 - 2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tôn Phước Thuận

2. Ông Lê Văn Phụng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:*** ông Hồ Thanh Hiền – kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mộng T, sinh năm 1984; địa chỉ: số nhà E, tô A, khu vực T, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Quan T1, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà Lê Thị Mộng T trình bày:

Bà Lê Thị Mộng T và ông Huỳnh Quan T1 do mai mối, cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2010 tại Ủy ban nhân xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không tôn trọng nhau, tính tình không hợp nhau, thường hay cự cãi nên mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng đã sống

ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim T2, sinh ngày 25/6/2012 và Huỳnh Gia T3, sinh ngày 05/9/2017, hiện con chung đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Huỳnh Quan T1 vắng mặt tại phiên toàn nhưng tại bả tư khai ngày 21/3/2023, ông T1 trình bày:* Trong quá trình chung sống ông T1 và bà T có xảy ra mâu thuẫn nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim T2, sinh ngày 25/6/2012 và Huỳnh Gia T3, sinh ngày 05/9/2017, hiện con chung đang sống chung với bà T. Khi ly hôn ông T1 đồng ý cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị Mộng T và bị đơn ông Huỳnh Quan T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Mộng T và ông Huỳnh Quan T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim T2, sinh ngày 25/6/2012 và Huỳnh Gia T3, sinh ngày 05/9/2017. Bà T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, nuôi con với ông Huỳnh Quan T1 nên quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Huỳnh Quan T1 với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện C, tỉnh An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Lê Thị Mộng T và ông Huỳnh Quan T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Lê Thị Mộng T và ông Huỳnh Quan T1 là do mai mối, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà T cho rằng vợ chồng do không tôn trọng nhau, tính tình không hợp nhau, thường hay cự cãi, ghen tuông vô cớ nên giữa bà T và ông T1 không sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà T xin ly hôn, ông T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông P kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải để vợ chồng hàn gắn ở lại, nhưng ông T1 không tham gia hòa giải, ông T1 gửi bản tự khai trình bày ý kiến thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà T. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà T và ông T1 là có cơ sở phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim T2, sinh ngày 25/6/2012 và Huỳnh Gia T3, sinh ngày 05/9/2017. Hiện các con đang sống chung với bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Qua yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung của bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì các con sống chung với bà T, các cháu vẫn phát triển khỏe mạnh, ổn định tâm lý. Đồng thời cháu T2, cháu T3 cũng có nguyện vọng được sống với bà T nên việc bà T xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với Điều 81 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Bên cạnh việc được nuôi dưỡng

con chung thì bà T và các thành viên gia đình bà T tạo điều kiện để ông T1 được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T4 không có yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không xét đến.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Mộng T và ông Huỳnh Quan T1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104, ngày 09 tháng 8 năm 2010 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Thị Mộng T và ông Huỳnh Quan T1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim T2, sinh ngày 25/6/2012 và Huỳnh Gia T3, sinh ngày 05/9/2017. Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0013329, ngày 03/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà T đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Phương Quyền

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 4 năm 2023
Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh B.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Tôn Phước T5;
- Ông Lê Văn P1.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 133/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mộng T, sinh năm 1984; địa chỉ: số nhà E, tô A, khu vực T, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Quan T1, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Quan hệ pháp luật được giải quyết: về tranh chấp "xin ly hôni".
Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Những chứng cứ trong vụ án:
Đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; ý kiến của bị đơn; giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/8/2010; Quyết định đình chỉ số 14/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới; Căn cước công dân của bà T, ông T1; sổ hộ khẩu chủ hộ tên Ngô Thị Đ; sổ hộ khẩu chủ hộ tên Huỳnh Văn C; các giấy khai sinh của T3, T2.
Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Căn cứ pháp luật giải quyết đối với quyền và nghĩa vụ của các đương sự:
Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Mộng T và ông Huỳnh Quan T1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104, ngày 09 tháng 8 năm 2010 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Thị Mộng T và ông Huỳnh Quan T1 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim T2, sinh ngày 25/6/2012 và Huỳnh Gia T3, sinh ngày 05/9/2017. Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0013329, ngày 03/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà T đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 15 phút, ngày 06 tháng 4 năm 2023

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.